

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỐT LÕI TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGỮ VĂN THÍCH ỨNG VỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Nguyễn Thị Thúy Hồng
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã được vận hành thời gian qua, đặt ra những yêu cầu mới về năng lực chung và năng lực cốt lõi của giáo viên Ngữ văn. Việc kiểm tra, đánh giá năng lực cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn tại các trường Sư phạm để thích ứng với dạy học Chương trình phổ thông 2018 có một ý nghĩa quan trọng. Bài viết tập trung làm rõ thành phần các năng lực chung, năng lực nghề của giáo viên Ngữ văn làm căn cứ đề xuất hình thức đánh giá các mức độ năng lực cốt lõi (Đánh giá xác thực - Authentic Assessment) và quy trình thực hiện để đo mức độ tiến bộ và khả năng thực hành nghề nghiệp của người học. Trên cơ sở đó, việc phân loại năng lực nghề theo hệ tiêu chí đạt chuẩn sẽ cung cấp những thông tin để người giảng dạy, các cơ sở đào tạo điều chỉnh chương trình giảng dạy/rèn luyện nghiệp vụ/kiểm tra - đánh giá nhằm hoàn thiện năng lực cơ bản của người giáo viên Ngữ văn đáp ứng với yêu cầu đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Từ khóa. Chương trình giáo dục phổ thông 2018, năng lực cốt lõi, năng lực sư phạm, kiểm tra – đánh giá, giáo viên Ngữ văn.

Nhận bài ngày 22.05.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.07.2025

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thúy Hồng; email: ntthong2@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước sự thay đổi, yêu cầu mới của Chương trình GDPT 2018, một vấn đề đặt ra đối với các trường Sư phạm là xây dựng hệ năng lực nghề cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn. Trên cơ sở mục tiêu của khung Chương trình tổng thể, chương trình đào tạo giáo viên cũng cần xây dựng Chuẩn đầu ra phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn dạy học. Do đó, việc xác định hệ năng lực cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn thực sự cần thiết, cần được triển khai đồng bộ, toàn diện trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Ngữ văn. Việc lựa chọn một hình thức đánh giá đo được sản phẩm thực của sinh viên (soạn giảng tiết dạy và xây dựng đề kiểm tra) sẽ góp phần đánh giá mức độ tiến bộ của người học, đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực nghề nghiệp, cung cấp những phản hồi kịp thời để điều chỉnh chiến lược giảng dạy, đào tạo của các trường Sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về năng lực cốt lõi của giáo viên

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên trở thành một yêu cầu cấp thiết. Năng lực nghề giáo viên không chỉ giới hạn ở kiến thức chuyên môn mà còn bao gồm kỹ năng sư phạm, phẩm chất nghề nghiệp và khả năng thích ứng với những thay đổi của xã hội. Trên thế giới cũng như tại Việt Nam, nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện nhằm nhận diện, đánh giá và phát triển năng lực nghề của đội ngũ giáo viên.

2.1.1. Một số công trình nghiên cứu trong nước

Nguyễn Công Khanh (2008) trong công trình “*Phát triển đội ngũ giáo viên phổ thông theo tiếp cận năng lực*”, tác giả đề xuất khung năng lực nghề giáo viên gồm các năng lực cốt lõi như: năng

lực dạy học, năng lực giáo dục học sinh, năng lực sử dụng công nghệ và năng lực phát triển nghề nghiệp. Tác giả nhấn mạnh vai trò của đào tạo – bồi dưỡng gắn với thực tiễn nghề dạy học.

Phạm Hồng Quang (2013) trong tác phẩm “*Năng lực nghề nghiệp của giáo viên – Lý luận và thực tiễn*” đưa ra hệ thống lý thuyết toàn diện về năng lực giáo viên. Công trình nhấn mạnh mối liên hệ giữa năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm và năng lực thích ứng với đổi mới giáo dục.

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2018) là cơ quan chủ trì xây dựng chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông đã đưa ra một bộ chuẩn gồm 5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí như: phẩm chất nhà giáo, phát triển chuyên môn, tổ chức dạy học, quản lý lớp học và phối hợp với cộng đồng. Đây là bộ chuẩn nền tảng trong đánh giá và bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp giáo viên ở Việt Nam hiện nay.

2.1.2. Một số công trình nghiên cứu quốc tế

Tác giả Lee S. Shulman (1986) – Hoa Kỳ trong bài viết “*Those Who Understand: Knowledge Growth in Teaching*” đã đưa ra khái niệm Kiến thức sư phạm nội dung (Pedagogical Content Knowledge – PCK) – một năng lực trung tâm trong nghề dạy học, kết hợp giữa hiểu biết chuyên môn và khả năng truyền đạt đến học sinh. Đây là công trình có ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực đào tạo giáo viên.

Theo OECD – Dự án TALIS (2009, 2018) dựa trên khảo sát quốc tế về giảng dạy và học tập (TALIS) đưa ra mô hình năng lực giáo viên gồm: năng lực chuyên môn, năng lực đổi mới phương pháp, năng lực hợp tác và học tập suốt đời. Báo cáo nhấn mạnh mối quan hệ giữa năng lực giáo viên và chất lượng giáo dục.

Linda Darling-Hammond (2006) trong công trình “*Powerful Teacher Education*”, tác giả đã phân tích sự cần thiết của việc phát triển năng lực nghề qua các mô hình đào tạo giáo viên gắn với thực hành. Bà nhấn mạnh việc phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, đánh giá và thiết kế bài giảng hiện đại.

Như vậy, các nghiên cứu trong nước và quốc tế đều cho thấy rằng năng lực nghề nghiệp của giáo viên là một hệ thống phức hợp, bao gồm nhiều yếu tố như kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, phẩm chất đạo đức, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, và phát triển nghề nghiệp. Trong kỷ nguyên chuyển đổi số và đổi mới giáo dục toàn diện, giáo viên cần được xem là những nhà chuyên môn thực thụ, có khả năng thích ứng, sáng tạo và dẫn dắt sự thay đổi. Tuy nhiên, gắn với chương trình giáo dục phổ thông 2018, chúng tôi nhận thấy chưa có nhiều công trình, bài báo nghiên cứu, phân tích những năng lực thành phần cụ thể; từ đó, đề xuất hệ năng lực cốt lõi và các hình thức đánh giá phù hợp trong việc đào tạo sinh viên Sư phạm Ngữ văn. Từ những căn cứ nghiên cứu trên, chúng tôi triển khai bài báo với nội dung: Đánh giá năng lực cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn thích ứng với chương trình giáo dục phổ thông.

2.2. Khái lược chung về năng lực và yêu cầu chương trình GDPT 2018

2.2.1. Về năng lực

a. Năng lực và năng lực nghề nghiệp

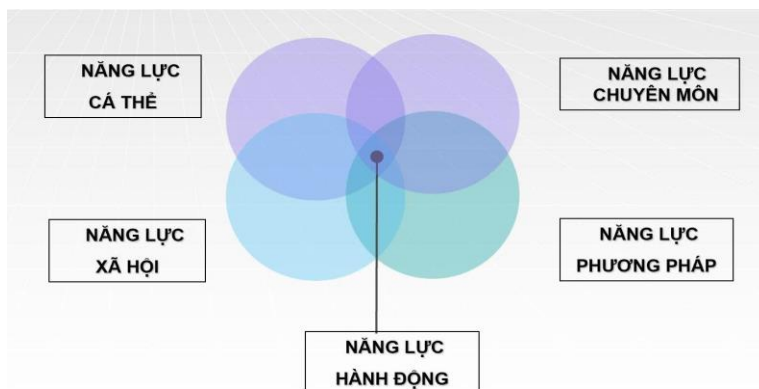
Khái niệm năng lực (*competency*) là một vấn đề rộng, với nhiều định nghĩa, từ nhiều góc độ tâm lý, giáo dục khác nhau.

“Năng lực là sự tích hợp các kỹ năng tác động một cách tự nhiên lên các nội dung trong một loạt tình huống cho trước để giải quyết những vấn đề do những tình huống này đặt ra” [1].

Còn xét từ động cơ hành động, có ý kiến cho rằng: “Năng lực là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và hiệu quả trong những tình huống đa dạng của cuộc sống”

Tác giả Nguyễn Văn Tuấn (trong chuyên đề bồi dưỡng sư phạm về phương pháp dạy học tích hợp, Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, 2010) xác định các thành phần cấu trúc năng lực: năng lực cá thể, năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp và năng lực xã hội.

Tác giả Đinh Trọng Cường mô hình hóa cấu trúc năng lực cá nhân như sau:



Theo quan điểm khởi xướng của một phong trào giáo dục xuất hiện ở Hoa Kỳ, Canada vào những năm 1970, 1980: “Tiếp cận năng lực trong giáo dục tập trung vào **kết quả** học tập, nhắm tới những gì người học dự kiến phải **làm được** hơn là nhắm tới những gì họ cần phải **học được**”. Hay đánh giá năng lực phải dựa theo những nguyên tắc và tiêu chí cơ bản: “Đào tạo người học dựa trên năng lực thực hiện dẫn họ đến việc làm chủ được những kỹ năng cơ bản và kỹ năng sống cần thiết của cá nhân và hòa nhập tốt vào hoạt động ngoài xã hội”.

Như vậy, năng lực được hiểu là *năng lực thực hiện, khả năng thực hiện*, khả năng kết nối, làm chủ những kiến thức, kỹ năng và đặc điểm nhân cách của một cá nhân để giải quyết một nhiệm vụ của thực tiễn. Chỉ khi nào sự vận dụng, hành động này được thực hiện thành công, hiệu quả nhiệm vụ đề ra thì mới xem cá nhân có năng lực nhất định.

b. Năng lực chung của giáo viên Ngữ văn

Căn cứ vào các tiêu chuẩn và thành tố cấu thành năng lực, chúng tôi xác định cấu trúc năng lực cơ bản của giáo viên Ngữ văn gồm các năng lực sau: năng lực chuyên ngành, năng lực tư duy và năng lực nghề nghiệp. Đây là những năng lực cần có trong đào tạo sinh viên Ngữ văn dạy học cấp THCS và THPT.

***Năng lực chuyên ngành Ngữ văn:** bao gồm năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản.

- Năng lực tiếp nhận văn bản là khả năng đọc hiểu các loại văn bản, đánh giá được thông điệp, ý nghĩa của văn bản, làm sơ sớ đọc hiểu các loại văn bản khác. Từ đó, gắn liền với các nhiệm vụ giảng dạy ở nhà trường phổ thông, kết nối văn học với thực tiễn đời sống.

- Năng lực tạo lập văn bản là khả năng vận dụng những kiến thức về từ vựng, cú pháp, đoạn văn để tạo lập các kiểu văn bản phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp trong công việc và cuộc sống.

Bên cạnh đó, năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển chuyên môn/ nghề nghiệp đòi hỏi sinh viên Sư phạm Ngữ văn tự tìm hiểu tri thức, giải quyết vấn đề và rút ra được những tri thức mới, ý tưởng sáng tạo trong dạy học.

***Năng lực tư duy:** bao gồm tư duy lô gic, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo.

Tư duy lô gic đòi hỏi người học có khả năng trình bày vấn đề mạch lạc, có trình tự khoa học rõ ràng. Tư duy phản biện là khả năng phát hiện những mặt mạnh, mặt yếu, đúng-sai của một vấn đề/đối tượng, từ đó có sự điều chỉnh nhận thức, suy luận có hệ thống, chứng cứ và khảo nghiệm trước khi nêu quan điểm cá nhân. Tư duy sáng tạo là khả năng liên kết thông tin, suy luận mở rộng ngoài các khuôn mẫu, nền tảng tạo ra cái mới.

*** Năng lực nghề (Sư phạm)** bao gồm các thành phần sau:

Căn cứ chuẩn đầu ra của ngành đào tạo, sinh viên Sư phạm Ngữ văn ra trường cần có hệ năng lực như sau:

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh theo Chương trình GDPT các cấp, tổ chức các hoạt động hình thành kỹ năng Đọc, Viết, Nói nghe cho học sinh.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ đảm bảo chính xác, trong sáng, lời nói hấp dẫn, giàu hình ảnh,... sẽ thu hút và đảm bảo hiệu quả của giờ học.

- Năng lực lựa chọn và sử dụng các phương tiện, kỹ thuật và phương pháp dạy học phù hợp.

- Năng lực kiểm tra và đánh giá người học theo yêu cầu và nội dung chương trình quy định.

2.2.2. Yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 trong mối quan hệ với việc dạy học của giáo viên

Một số điểm mới trong môn Ngữ văn theo Chương trình GDPT 2018 so với chương trình trước đây được thể hiện như sau [2]:

Thứ nhất, mục tiêu chương trình chú trọng phát triển năng lực, phẩm chất người học.

Thứ hai, Chương trình khung đóng vai trò làm cơ sở triển khai dạy học còn các bộ sách giáo khoa chỉ là phương tiện để thực hiện Mục tiêu chung đó.

Thứ ba, lấy việc đọc hiểu theo trục thể loại làm trung tâm, lấy Đọc làm cơ sở để phát triển kỹ năng Viết, Nói và Nghe.

Thứ tư, kiểm tra, đánh giá dựa trên bối cảnh/tình huống mới (hạn chế/không dùng văn bản đã học trong sách giáo khoa), phát triển quan điểm, suy nghĩ độc lập của người học, tránh sao chép, văn mẫu [3].

Tóm lại, yêu cầu chung trong môn Ngữ văn chú trọng hình thành Kỹ năng, phương pháp khi thực hiện 4 kỹ năng cơ bản: Đọc, Viết, Nói và nghe, khai thác các tình huống/bối cảnh mới để đo được khả năng vận dụng của người học (Dạy Cách chứ không dạy Cái). Do đó, sự thay đổi căn bản trong đào tạo năng lực nghề cho giáo viên Ngữ văn là quy trình hướng dẫn dạy Phương pháp/Kỹ năng, hướng dẫn cách tiếp cận/phát triển chương trình dạy học mở “Một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa”.

2.3. Xác định thành phần năng lực nghề trong đào tạo giáo viên Ngữ văn thích ứng với sự thay đổi của Chương trình GDPT 2018

Căn cứ vào yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 [1] và thực tiễn dạy học ba bộ SGK hiện hành (Bộ Cánh diều, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, Bộ Chân trời sáng tạo) trong thời gian vừa qua [3], chúng tôi đề xuất các thành phần năng lực nghề nghiệp đặc thù để đào tạo giáo viên Ngữ văn như sau:

2.3.1. Phân tích chương trình - đối chiếu SGK

Phân tích chương trình GDPT 2018 đòi hỏi giáo viên Ngữ văn xác định yêu cầu cần đạt khi đọc hiểu các kiểu văn bản (theo đặc trưng thể loại), biết lồng ghép các kiến thức văn học khi khai thác giá trị văn bản, tích hợp kiến thức tiếng Việt để khám phá văn bản. Bên cạnh đó, lựa chọn các kiểu dạy Viết phù hợp để tích hợp với Đọc hiểu văn bản; lấy dạy Viết làm nền tảng rèn luyện kỹ năng Nói-nghe.

Trên cơ sở hiểu rõ mạch kiến thức rèn luyện 4 kỹ năng Đọc, viết, Nói nghe trong Chương trình môn học, giáo viên cần đối chiếu với bộ sách giáo khoa mình dạy và các bộ sách còn lại để nhận thức được sự đáp ứng của các bộ sách với Mục tiêu tổng thể và phân tích để tiếp thu, khai thác những “tinh hoa” thể mạnh của từng bộ sách trong dạy học.

2.3.2. Lựa chọn/đánh giá được văn bản ngoài SGK và sách tham khảo

Đáp ứng với mục tiêu kiểm tra, đánh giá, giáo viên cần biết lựa chọn, đánh giá giá trị của các văn bản ngoài SGK [4]. Một số tiêu chí cần đảm bảo với văn bản ngoài như sau: có độ dài, độ khó tương đương các văn bản trong SGK, thể hiện rõ giá trị giáo dục, nhận thức, thẩm mỹ; đặc biệt cần phù hợp với tâm lý, khả năng tiếp nhận của khối/lớp học theo yêu cầu cần đạt.

Việc có kỹ năng lựa chọn sách tham khảo đòi hỏi giáo viên biết đối chiếu sách tham khảo với các yêu cầu khung chương trình về: đọc hiểu các kiểu văn bản, yêu cầu tích hợp kiến thức tiếng Việt để giải mã văn bản, hướng dẫn dạy Viết sáng tạo, tích hợp, phát triển vấn đề từ văn bản đọc.

2.3.3. Thiết kế, tổ chức hoạt động nhận thức cho người học

- Biết cách tổ chức dạy học hình thành kỹ năng, phương pháp, đo được năng lực vận dụng của người học, bao gồm các hoạt động:

+ Xác định yêu cầu cần đạt, chuyển hóa thành Mục tiêu của đơn vị bài học (theo thể loại).

+ Xây dựng hệ thống câu hỏi phát triển năng lực theo các cấp độ: Nhận thức, Thông hiểu và Vận dụng.

+ Thiết kế, cấu trúc câu hỏi thành hoạt động tổ chức nhận thức cho người học: Phối hợp tương tác cá nhân, cá nhân – nhóm, nhóm – toàn lớp.

- Phương pháp tổ chức: hệ thống câu hỏi đa dạng, giúp phân hóa năng lực; tổ chức hoạt động nhận thức đa dạng, hiệu quả và sáng tạo.

Tiêu chí	Mức 4 (cao nhất)	Mức 3	Mức 2	Mức 1 (thấp nhất)
1. Phân tích chương trình đối chiếu các bộ SGK	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định yêu cầu cần đạt các kiểu văn bản theo từng cấp độ; tích hợp kiến thức văn học, lựa chọn kiến thức tiếng Việt phù hợp vào đọc hiểu văn bản từ chương trình chung một cách chuẩn xác, nhuần nhuyễn. - So sánh, đối chiếu được sự đáp ứng yêu cầu và những điểm còn thiếu sót của từng bộ sách khoa học, đầy đủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định yêu cầu cần đạt các kiểu văn bản theo từng cấp độ; tích hợp kiến thức văn học, lựa chọn kiến thức tiếng Việt phù hợp vào đọc hiểu văn bản từ chương trình chung một cách chính xác. - So sánh, đối chiếu được sự đáp ứng yêu cầu và những điểm còn thiếu sót của từng bộ sách chi tiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định yêu cầu cần đạt các kiểu văn bản chưa cụ thể theo từng cấp độ; tích hợp kiến thức văn học, lựa chọn kiến thức tiếng Việt phù hợp và đọc hiểu văn bản từ chương trình chung đảm bảo yêu cầu, chưa đầy đủ - So sánh, đối chiếu được sự đáp ứng yêu cầu và những điểm còn thiếu sót của từng chưa rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định yêu cầu cần đạt các kiểu văn bản theo từng cấp độ; tích hợp kiến thức văn học, lựa chọn kiến thức tiếng Việt phù hợp và đọc hiểu văn bản từ chương trình chung chưa phù hợp. - So sánh, đối chiếu được sự đáp ứng yêu cầu và những điểm còn thiếu sót của từng bộ sách chưa chính xác, phù hợp.
2. Lựa chọn được văn bản ngoài và sách tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được ngữ liệu đảm bảo độ dài, độ khó tương đương với SGK; thể hiện rõ nét các giá trị giáo dục, nhận thức, thẩm mỹ; khai thác được vẻ đẹp thẩm mỹ của ngôn từ; tạo sự hứng thú trong tâm lý và tiếp nhận của người học. - Chọn được sách tham khảo đảm bảo luyện 4 kỹ năng của chương trình, tích hợp Đọc Viết rõ ràng, nguồn ngữ liệu lựa chọn bám sát yêu cầu thể loại, phát triển/mở rộng chủ đề văn bản; khai thác tiếng Việt như công cụ giải mã văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được ngữ liệu đảm bảo độ dài, độ khó tương đương với SGK; thể hiện các giá trị giáo dục, nhận thức, thẩm mỹ; khai thác được vẻ đẹp thẩm mỹ của ngôn từ; tạo sự hứng thú trong tâm lý và tiếp nhận của người học. - Chọn được sách tham khảo đảm bảo luyện 4 kỹ năng của chương trình, tích hợp Đọc Viết rõ ràng, nguồn ngữ liệu lựa chọn bám sát yêu cầu thể loại, phát triển/mở rộng chủ đề văn bản; khai thác tiếng Việt như công cụ giải mã văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được ngữ liệu chưa đảm bảo độ dài, độ khó tương đương với SGK; chỉ thể hiện được một trong các giá trị giáo dục, nhận thức, thẩm mỹ; chưa khai thác được vẻ đẹp thẩm mỹ của ngôn từ; chưa phù hợp với tâm lý tiếp nhận người đọc. - Chọn được sách tham khảo nhưng không đảm bảo luyện 4 kỹ năng của chương trình, tích hợp Đọc Viết rõ ràng, nguồn ngữ liệu lựa chọn chưa bám sát yêu cầu thể loại; chưa khai thác tiếng Việt như công cụ giải mã văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được ngữ liệu không có độ dài, độ khó tương đương với SGK; không thể hiện đầy đủ các giá trị giáo dục, nhận thức, thẩm mỹ; không khai thác được vẻ đẹp thẩm mỹ của ngôn từ; không phù hợp với tâm lý tiếp nhận của người đọc. - Không chọn được sách tham khảo đảm bảo luyện 4 kỹ năng của chương trình, tích hợp Đọc Viết rõ ràng, nguồn ngữ liệu lựa chọn bám sát yêu cầu thể loại, phát triển/mở rộng chủ đề văn bản; khai thác tiếng Việt như công cụ giải mã văn bản.
	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục tiêu cần đạt của bài học theo các cấp độ phân hóa năng lực. - Cấu trúc và tiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục tiêu cần đạt của bài học theo các cấp độ phân hóa năng lực. - Cấu trúc và tiến trình bài dạy khoa 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục tiêu cần đạt của bài học theo các cấp độ phân hóa năng lực. - Cấu trúc và tiến trình bài dạy khoa 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục tiêu cần đạt của bài học theo các cấp độ phân hóa năng lực. - Cấu trúc và tiến trình bài dạy khoa học, đầy đủ, kiến

3. Thiết kế và tổ chức hoạt động	trình bày dạy khoa học, đầy đủ, kiên thức chuẩn xác. - Phương pháp: thể hiện rõ việc dạy Kỹ năng, phương pháp 4 loại kỹ năng, hệ thống câu hỏi phân rõ cấp độ, tổ chức hoạt động nhận thức đa dạng, linh hoạt, sáng tạo.	học, đầy đủ, kiên thức chính xác. - Phương pháp: thể hiện rõ việc dạy Kỹ năng, phương pháp 4 loại kỹ năng, hệ thống câu hỏi phân rõ cấp độ, tổ chức hoạt động nhận thức đa dạng, linh hoạt.	học, đầy đủ, kiên thức chuẩn xác. - Phương pháp: thể hiện rõ việc dạy Kỹ năng, phương pháp 4 loại kỹ năng, hệ thống câu hỏi chưa rõ cấp độ, tổ chức hoạt động nhận thức không đơn điệu.	thức chuẩn xác. - Phương pháp: thể hiện rõ việc dạy Kỹ năng, phương pháp 4 loại kỹ năng, hệ thống câu hỏi không phân rõ cấp độ, tổ chức hoạt động nhận thức chưa đa dạng.
4. Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện, PPDH	- Ngôn ngữ trôi chảy, linh hoạt, phong phú, ngữ điệu biểu cảm. - Sử dụng thành thạo, hiệu quả các phương tiện, kỹ thuật dạy học.	- Ngôn ngữ trôi chảy, linh hoạt, ngữ điệu biểu cảm. - Sử dụng thành thạo các phương tiện, kỹ thuật dạy học.	- Ngôn ngữ còn vấp, lặp, chưa phong phú, chưa có ngữ điệu biểu cảm. - Sử dụng chưa thành thạo, hiệu quả các phương tiện, kỹ thuật dạy học.	- Ngôn ngữ còn lủng củng, đơn điệu, không có sự truyền cảm/ngữ điệu. - Sử dụng chưa phù hợp các phương tiện, kỹ thuật dạy học với đặc trưng bộ môn.
5. Kiểm tra, đánh giá	- Nội dung đề thể hiện rõ yêu cầu cần đạt, phân hóa rõ mức độ năng lực. - Tiêu chí đánh giá khoa học, chi tiết, phù hợp với mục tiêu dạy học.	- Nội dung đề thể hiện rõ yêu cầu cần đạt, phân hóa mức độ năng lực. - Tiêu chí đánh giá khoa học, phù hợp với mục tiêu dạy học.	- Nội dung đề thể hiện chưa thể hiện yêu cầu cần đạt, chưa phân hóa mức độ năng lực. - Tiêu chí đánh giá còn sơ lược, chưa đầy đủ.	- Nội dung đề thể hiện chưa thể hiện yêu cầu cần đạt. - Tiêu chí đánh giá không phù hợp với mục tiêu dạy học.

2.3.4. Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện, kỹ thuật dạy học

Đây là một trong những năng lực chung, quan trọng, quyết định sự thành công, hiệu quả của một giờ học. Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ truyền cảm, chuẩn xác, hệ thống phương tiện, kỹ thuật dạy học phù hợp, người giáo viên Ngữ văn tác động đến cảm xúc, tình cảm của người học, tạo nên sự hấp dẫn và thành công của giờ học.

2.3.5. Kiểm tra, đánh giá người học

Năng lực kiểm tra, đánh giá người học là yêu cầu kiểm tra việc đáp ứng các mục tiêu bài học theo quy định của chương trình SGK, việc tiếp nhận và tạo lập văn học phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp cụ thể trong nhà trường và cuộc sống.

2.4. Đánh giá năng lực nghề trong đào tạo giáo viên Ngữ văn đáp ứng Chương trình GDPT 2018

2.4.1. Hình thức đánh giá

* Lựa chọn hình thức: *Đánh giá xác thực* (Authentic Assessment)

* *Khái niệm*: Theo Ormiston, “đánh giá xác thực kết quả học tập phản ánh các nhiệm vụ cụ thể và giải quyết những vấn đề được yêu cầu trong thực tế, bên ngoài nhà trường” (Văn phòng giáo dục Hoa Kỳ). Như vậy, đánh giá thực được thực hiện trong cả một quá trình mà giáo viên chọn một sản phẩm/nhiệm vụ mà sinh viên hoàn thành để thu thập thông tin và cách thức họ hoàn thành nhiệm vụ đó. Bài thi/sản phẩm lúc này chỉ là một mắt xích của khâu đánh giá [5].

* *Đặc trưng cơ bản*:

- Yêu cầu người học kiến tạo một sản phẩm thực.
- Đo lường được cả sản phẩm/kết quả và quá trình tạo ra nó.
- Đáp ứng/giải quyết một vấn đề thực/tình huống thực tiễn (giả định).

- Người học bộc lộ kiến thức, kỹ năng, thái độ, quá trình tư duy để hoàn thành sản phẩm cụ thể (năng lực thực hiện/hành động).

Như vậy, Đánh giá xác thực thực (Authentic Assessment) chất đã bao hàm khả năng tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và đặc điểm cá nhân trước vấn đề đời sống. Từ nhiệm vụ một vấn đề thực, trong đời sống thực tiễn, sinh viên bộc lộ quá trình học tập và tư duy của họ thông qua việc thực hiện sản phẩm. Vì thế, hình thức đánh giá này không chỉ cung cấp kết quả phản hồi mà thông qua quá trình dạy học người học sẽ bộc lộ rõ nét năng lực và phẩm chất.

2.4.2. Tiêu chí và phân loại đánh giá năng lực nghề trong đào tạo giáo viên Ngữ văn

2.4.2.1. Tiêu chí đánh giá

Sau khi nêu nội dung nhiệm vụ thực hành, người giảng dạy/người đào tạo có thể dựa vào bảng kiểm (Rubrics) về tiêu chí đánh giá sau (4 mức độ phân loại năng lực chính) [6]:

2.4.2.2. Phân loại đánh giá năng lực nghề

Căn cứ vào bảng Rubrics trên, chúng tôi dự kiến phân loại 3 mức độ năng lực nghề đối với giáo viên Ngữ văn [7], cụ thể:

Trên chuẩn	Đạt/Chuẩn	Chưa/Gần đạt
Mức độ 4 Một số tiêu chí điều kiện thêm: - Các tiêu chí đều đạt từ mức 4, có ít nhất 3/5 tiêu chí đạt mức độ 4. - Tiêu chí 3 và 4 đạt mức 5.	Mức độ 3 Một số tiêu chí điều kiện thêm: - Đạt ở mức độ 3 đối với ít nhất 4 tiêu chí. - Tiêu chí 1 cần đạt mức độ 3. - Tiêu chí thứ 3 cần đạt ở mức 2.	Mức độ 2 và 1 Một số tiêu chí điều kiện thêm: Không đạt được mức độ 5 với 4 tiêu chí.

2.4.3. Quy trình tổ chức đánh giá năng lực cốt lõi

Sử dụng hình thức đánh giá xác thực, người giảng dạy/đào tạo có thể thực hiện tổ chức đánh giá năng lực nghề của sinh viên Sư phạm Ngữ văn theo quy trình dưới đây [8]:

Bước 1: Giảng viên giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên thực hiện

- Giao nhiệm vụ cho sinh viên: Thực hành giảng dạy 01 tiết học và xây dựng 01 đề kiểm tra (theo nội dung bài học trong Chương trình GDPT 2018 được rèn luyện dạy học).

- Sau đó, công bố tiêu chí đánh giá và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2: Sinh viên thực hành theo nhiệm vụ, giảng viên theo dõi, đánh giá (theo nhóm)

- Sinh viên thực hiện dạy học 01 tiết và báo cáo về đề kiểm tra đã xây dựng.

- Giảng viên theo dõi tiến trình thực hiện, báo cáo và đánh giá theo phiếu chấm (cá nhân).

Bước 3: Hướng dẫn cải thiện, khắc phục những kỹ năng nghề cốt yếu còn hạn chế.

- Giảng viên phát hiện những khâu còn yếu, chưa đạt của sinh viên.

- Hướng dẫn tổ chức lại hoạt động thực hành (tự dạy lại theo nhóm nhỏ) và chỉnh sửa đề kiểm tra theo yêu cầu.

Bước 4: Kiểm tra, theo dõi quá trình hoàn thiện năng lực nghề còn hạn chế của sinh viên.

Bước 5: Đối chiếu Chuẩn đầu ra Ngành đào tạo, lập Hồ sơ năng lực nghề của người học trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, kiểm tra – đánh giá là một khâu then chốt, động lực để việc dạy và học sát hợp với mục tiêu Chương trình GDPT 2018: Đổi mới giáo dục từ tiếp cận nội dung sang hướng tiếp cận, phát triển năng lực người học. Đánh giá xác thực muốn đạt hiệu quả tốt trong tiếp cận năng lực người học cần được phối hợp tốt với dạy học phân hóa (theo các cấp độ và hình thức). Muốn vậy, một nhà sư phạm chỉ có thể thành công trong việc dạy học định hướng theo năng lực không chỉ nắm vững quan điểm, nội dung, quy trình thực hiện mà nhất thiết phải sâu sát những nhu cầu, động cơ, đặc điểm nhận thức, năng lực nghề nghiệp đặc thù của người học.

Việc xây dựng khung đánh giá năng lực cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn được thể hiện qua các bước như trên là tiền đề, cơ sở để các bộ phận tiếp cận và điều chỉnh. Cụ thể như sau:

Đối với giảng viên – người đào tạo giáo viên: cần kết hợp với quan điểm thực tiễn trong dạy học, gắn liền với yêu cầu Chương trình GDPT 2018 và thực tế dạy học tại trường phổ thông, từ đó,

nâng cao hiệu quả giáo dục theo Chuẩn đầu ra của Ngành bằng chính sự tiến bộ, sự tự điều chỉnh năng lực của người học. Ngoài ra, nên thường xuyên sử dụng đánh giá thực kết hợp với đánh giá truyền thống giúp người học chủ động gắn kết kiến thức nhà trường với đời sống, thấy tự tin và hứng thú học tập hơn; từ đó, có thể thiết kế được bộ hồ sơ năng lực cho từng cá nhân người học.

Đối với cơ sở đào tạo Sư phạm, việc đánh giá năng lực nghề cốt lõi giúp điều chỉnh, xây dựng Chương trình đào tạo bám sát Chuẩn đầu ra, có tính ứng dụng, từng bước tạo ra một thể hệ người giáo viên mới, sáng tạo thích ứng với yêu cầu đổi mới hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Công văn 3175 hướng dẫn đổi mới, kiểm tra đánh giá chương trình Ngữ văn phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 21/07/2022*, Hà Nội.
3. Chương trình SGK theo 3 bộ *Cánh diều, Kết nối tri thức với cuộc sống và Chân trời sáng tạo ở cấp THCS, THPT*.
4. Nguyễn Thành Ngọc Bảo (2014), Bước đầu tìm hiểu về khái niệm Đánh giá theo năng lực và đề xuất hình thức đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh, *Tạp chí Khoa học*, Trường ĐHSPT Hồ Chí Minh, số 56.
5. Nguyễn Thị Thúy Hồng (2015), *Tiếp cận năng lực trong kiểm tra – đánh giá người học*, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học các trường Đại học, Cao đẳng miền núi phía Bắc (do Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai tổ chức tháng 6/2015).
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Hội thảo “*Đổi mới chương trình và SGK giáo dục phổ thông - kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào Việt Nam*” do Bộ GD-ĐT tổ chức 10-12/12/2012.
7. Đào Phương Huệ, Nguyễn Thị Thúy Hồng (2024), *Đào tạo giáo viên Ngữ văn đáp ứng chương trình GDPT 2018*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “*Chương trình giáo dục môn học và sách giáo khoa Ngữ văn – Thực tiễn dạy học môn học và những vấn đề đặt ra trong đào tạo giáo viên*”, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
8. Đào Phương Huệ (2018), *Kiểm tra đánh giá hệ năng lực cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn*, Hội thảo khoa học Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.

ASSESSMENT OF CORE COMPETENCIES IN TRAINING TEACHERS OF LITERATURE TOWARDS ADAPTATION TO THE GENERAL EDUCATION PROGRAM 2018

Abstract: *The General Education Program 2018 has been ongoing over and brought about the emerging requirements for general and core/specific abilities of the teachers of Literature. It is significant for teachers training colleges/universities to test and assess the professional skills of the teachers of Literature to adapt themselves to the General Education Program 2018. This paper focuses on segmentations of their general and professional skills as a basis to propose suitable assessment models of the core abilities (Authentic Assessment) and the implementation procedure to evaluate the trainees' progress and practical skills. On this basis, the categorization of standardized professional skills shall provide the teachers, training organisations with information to adjust teaching/skill practising/test-assessment programs to furnish the basic ability of teachers of Literature towards adaptation to the emerging requirements of the General Education Program 2018.*

Key words: *General Education Program 2018, test-assessment, professional ability/pedagogy, teacher of Literature.*